

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN B - TP. H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ  
Ngày: 12/09/2018  
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thường.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trình.

2. Ông Nguyễn Xuân Thuật.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Út - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 12 tháng 09 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 324/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX - ST ngày 02 tháng 08 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 08 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Phú Trạch, xã M, huyện V, tỉnh H.

*(Chị N có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1986;

HKTT: Thôn Phương Khê, xã Ph, huyện B, thành phố H.

*(Anh S vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn ly đơn ly hôn và Bản tự khai ngày 25/06/2018 chị Phạm Thị N khai như sau: Chị và anh Nguyễn Đình S tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện B, thành phố H ngày 14/03/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống với nhau ngay, chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S chơi bời ham mê lô, đề cò bạc dẫn đến nợ nần chồng chất nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị N nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Do anh S nhiều lần vắng nhà và không quan tâm đến chị N. Gia đình hai bên đã khuyên giải anh S nhiều lần nhưng không được, do mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng nên anh S và chị N đã sống ly thân và cắt đứt mọi tình cảm vợ, chồng từ tháng 11/2017 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ, chồng với anh S không còn, chị N yêu cầu được ly hôn với anh S để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Chị N khai không có

Tài sản riêng: Chị N khai không có

Tài sản chung: Chị N khai không có

Công nợ chung: Chị N khai không có.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Đình S vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án huyện B. Tòa án B đã gửi thông báo thụ lý và gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh S không có mặt tại Tòa án. Tòa án B đã tiến hành xác minh tại Công an xã Ph được biết anh S hiện nay không có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương được gia đình anh S cho biết: Hiện anh S đang làm ăn, sinh sống tại H, do

anh S không đăng ký tạm vắng, do đó địa phương không biết địa chỉ nơi ở cụ thể của anh S ở đâu. Thi thoảng anh S có về địa phương và gia đình ở nhà trong ngày hoặc một đến hai ngày sau đó lại đi. Bà Phùng Thị T là mẹ đẻ của anh S cho biết: Anh S và chị N tự nguyện đến với nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 14/03/2016. Sau khi cưới xong thì hai vợ chồng anh S, chị N xuống thành phố H làm ăn sinh sống và không sống cùng gia đình bà T nên anh S, chị N có mẫu thuẫn như thế nào thì bà T cũng không biết. Mỗi khi bà T nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu và các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện B, bà T đều gọi điện cho anh S biết và khi anh S về nhà bà T đều nói lại cho anh S biết việc chị N yêu cầu ly hôn anh S, bà T đều cho anh S xem thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án huyện B, bà nói anh S phải xuống Tòa án huyện B để giải quyết ly hôn xong anh S nói anh S không xuống Tòa án huyện B để giải quyết ly hôn. Anh S và chị N trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị N và anh S đã sống ly thân, anh S nhất trí ly hôn chị N nhưng anh S không đến Tòa án nhân dân huyện B để giải quyết ly hôn. Tòa án nhân dân huyện B giải quyết vụ án ly hôn cho chị N thế nào là tùy Tòa án. Thời gian gần đây khoảng tháng 6 năm 2018 thì chị N có về nhà bà T nói chuyện về việc chị N và anh S phát sinh mâu thuẫn và có xin bà T giấy tờ để làm thủ tục ly hôn thì bà T cũng cung cấp và đồng ý cho ly hôn. Trong thời gian chị N và anh S chung sống với nhau không có con chung, không có tài sản riêng, tài sản chung và không nợ nần gì ai. Do đó bà T đề nghị Tòa án huyện B giải quyết cho chị N được ly hôn giữa anh S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu về ly hôn anh Nguyễn Đình S và giữ nguyên yêu cầu về con chung, tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện VKSND huyện B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Về trình tự giải quyết thu thập chứng cứ, vụ án được TAND huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự tố tụng dân sự, từ khi nhận hồ sơ, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng quy định không vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình S.

Về tài sản riêng, chung, nợ chung: Do anh S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí chị Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Đình S. Theo quy định tại khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Đình S là hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng chị N và anh S sau khi kết hôn chung sống với nhau ngay và làm ăn sinh sống tại H. Cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị N phát sinh mâu thuẫn do anh S chơi bời, lơ đãng, cờ bạc,

làm ăn kinh tế gặp khó khăn dẫn đến nợ nần nhiều. Anh S và chị N mâu thuẫn trầm trọng anh S đã bỏ chị N ra sống riêng từ tháng 10/2017 đồng thời vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng từ đó đến nay. Từ tháng 10/2017 đến nay chị N và anh S không tìm ra được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ, chồng, thời gian vợ, chồng chung sống với nhau không có con chung. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh Nguyễn Đình S và chị Phạm Thị N trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì đời sống chung vợ, chồng giữa anh S và chị N. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Nguyễn Đình S. Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình S là có căn cứ pháp luật.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Do anh Nguyễn Đình S không có mặt tại địa phương, vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ chung.

2.4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Nguyễn Đình S.

2/ Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình S.

3/Con chung: Không có

4/ Tài sản riêng, chung, công sức, công nợ: Chưa giải quyết.

5/Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000<sup>d</sup>(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0008617 ngày 22/06/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố H vào khoản án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp.

Chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đình S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện Ba Vì
- THA Ba Vì
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thương**

